

THÔNG BÁO

Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 9 năm 2026)

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 14/6/2026 đến 17/6/2026 (đợt 9 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cù – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đám – xã Tân Tiến, Sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, Sông Cái Đoi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đoi Vàm – xã Cái Đoi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Tường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, N-NO_2^- , N-NH_4^+ , P-PO_4^{3-} , N-NO_3^- , TSS, TP, *Chlorophyll a*, *Vibrio* tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và *Coliform* tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 9).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	33	Kém	DO, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 120 CFU/mL (DO, N-NH ₄ ⁺ có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và ghi nhận sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị lắng, xử lý và diệt khuẩn nước cấp trước khi đưa vào ao nuôi; tăng cường theo dõi chất lượng nước và sức khỏe đàn tôm trong quá trình nuôi.
2	Kênh Xáng	54	Trung bình	DO, độ mặn, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (N-NH ₄ ⁺ có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh; DO và độ mặn ở mức thấp. Đề nghị lắng, xử lý và khử trùng nước cấp trước khi đưa vào ao nuôi; đồng thời theo dõi chặt chẽ chất lượng nước và sức khỏe đàn tôm trong quá trình nuôi.
3	Kênh Cái Cùng	29	Kém	DO, độ kiềm, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 11000 MPN/100mL (DO, N-NH ₄ ⁺ có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có độ kiềm thấp, đồng thời ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và vi sinh; mật độ <i>Vibrio</i> cao và phát hiện <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để nâng độ kiềm, ổn định pH; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Tăng cường theo dõi sức khỏe đàn tôm và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm khi thu hoạch.
4	Kênh Chùa Phật	16	Rất kém	DO, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL (DO, N-NH ₄ ⁺ , <i>Vibrio</i> có qi = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có độ kiềm thấp, đồng thời ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và mật độ <i>Vibrio</i> cao; phát hiện sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để nâng độ kiềm, ổn định pH; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Tăng cường theo dõi sức khỏe đàn

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					tôm và các dấu hiệu bất thường trong quá trình nuôi.
5	Kênh Gò Cát	22	Rất kém	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL (N-NH ₄ ⁺ , <i>Vibrio</i> có q _i = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ vibrio tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
6	Kênh Hộ Phòng	91	Rất tốt	DO, N-NO ₂ ⁻	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng do đó cần xử lý nước trước khi cấp vào ao nuôi.
7	Kênh 9000	90	Rất tốt	DO, độ mặn, <i>V.parahaemolyticus</i> = 80 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có DO và độ mặn thấp, đồng thời ghi nhận <i>Coliform</i> ở mức cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị không lấy nước trực tiếp vào ao nuôi; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi sử dụng. Theo dõi chặt chẽ diễn biến độ mặn, sức khỏe đàn tôm trong quá trình nuôi và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm khi thu hoạch.
8	Cửa biển Gành Hào	49	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.
9	Sông Bạc Liêu	52	Trung bình	DO, độ mặn, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL (N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có độ mặn và độ kiềm thấp, đồng thời ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, <i>Coliform</i> cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để nâng độ kiềm, ổn định pH; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Tăng cường theo dõi sức khỏe đàn tôm và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm khi thu hoạch.
10	Kênh Trường Sơn	54	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 11000 MPN/100mL (N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Tăng cường theo dõi sức khỏe đàn tôm và tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm khi thu hoạch.
11	Kênh số 3	48	Trung bình	DO, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , TSS, <i>V.parahaemolyticus</i> = 20 CFU/mL (N-NH ₄ ⁺ có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có độ mặn và độ kiềm thấp, đồng thời ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, <i>Coliform</i> cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để nâng độ kiềm, ổn định pH; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Tăng cường theo dõi sức khỏe đàn tôm và tuân thủ.
12	Kênh Mương 7	34	Kém	DO, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thủy sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Nguồn nước cấp có độ mặn và độ kiềm thấp, đồng thời ghi nhận dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng, <i>Coliform</i> cao và sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị bổ sung CaCO ₃ hoặc Dolomite để nâng độ kiềm, ổn định pH; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Tăng cường theo dõi sức khỏe đàn tôm.
13	Ngã 3 Vàm Đầm	84	Tốt	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 60 CFU/mL, <i>Coliform</i> = 24000 MPN/100mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
14	Sông Đầm Dơi	53	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Sông Cái Đôi	60	Trung bình	DO (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi.
16	Ngã 3 Vàm Đình	92	Rất tốt	DO, <i>V.parahaemolyticus</i> = 10 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thủy sản. Nguồn nước cấp có DO thấp và ghi nhận sự hiện diện của <i>V. parahaemolyticus</i> . Đề nghị nước cấp được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi; tăng cường theo dõi chất lượng nước và sức khỏe đàn tôm để kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường.
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	60	Trung bình	DO, <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có DO thấp và ghi nhận sự hiện diện của <i>Vibrio parahaemolyticus</i> . Đề nghị nước cấp được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi; tăng cường theo dõi chất lượng nước và sức khỏe đàn tôm để kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường.
18	Lương Thê Trân	57	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 50 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
19	Sông Cái Đôi Vàm	57	Trung bình	DO, TSS (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chất rắn lơ lửng cao cần lắng nước trước khi cấp vào ao nuôi.
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	57	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
21	Kênh Xáng Độ Cường	54	Trung bình	DO, N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
22	Sông Thị Tường	60	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , <i>V.parahaemolyticus</i> = 30 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Nguồn nước cấp có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng và có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý và diệt khuẩn nước trước khi cấp vào ao nuôi.
23	Kênh Xáng Tân Hưng	56	Trung bình	DO, N-NH ₄ ⁺ , <i>Vibrio</i> , <i>V.parahaemolyticus</i> = 150 CFU/mL (DO có q _i = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Các chất chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng, mật độ <i>Vibrio</i> tăng cao đồng thời có sự hiện diện của <i>V.parahaemolyticus</i> , do đó cần xử lý nước và diệt khuẩn trước khi cấp vào ao nuôi.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Kết quả quan trắc đợt 9 cho thấy nhiều điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh có chất lượng nước ở mức trung bình đến kém, chủ yếu do DO thấp, độ mặn thấp, độ kiềm thấp, các thông số chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng gia tăng và ghi nhận sự hiện diện của *Vibrio parahaemolyticus* trong nguồn nước.

Bên cạnh đó, theo Bản tin dự báo thời tiết của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 26/6 – 05/7/2026 có nhiệt độ thấp nhất từ 26 - 28°C, nhiệt độ cao nhất từ 31 – 33°C; trời có mây, mưa rào và dông. Để hạn chế thiệt hại trong sản xuất, Chi cục Thủy sản khuyến cáo người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý và chăm sóc tôm nuôi như sau:

- Các cơ sở nuôi không lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi. Đối với các khu vực ghi nhận mật độ *Vibrio* tổng số cao hoặc xuất hiện *Vibrio parahaemolyticus*, cần tăng cường kiểm soát chất lượng nước cấp trước khi sử dụng.
- Thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.
- Tập trung gia cố bờ bao, cống để tránh sạt lở và nước tràn bờ làm thủy sản thất thoát.
- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m² ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.
- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm, đặc biệt chú ý các dấu hiệu bất thường liên quan đến bệnh hoại tử gan tụy cấp (AHPND), bệnh phân trắng và các bệnh do vi khuẩn *Vibrio* gây ra. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.
- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Ngoài ra, hộ nuôi nên thường xuyên theo dõi các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn và các tin tức trên báo, đài và các trang thông tin điện tử chính thống để nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo kết quả quan trắc chất lượng nước và khuyến cáo của Chi cục Thủy sản nhằm hỗ trợ người nuôi chủ động thực hiện các biện pháp quản lý môi trường nuôi, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS_(Giang).

CHI CỤC TRƯỞNG

Đỗ Chí Sĩ

Phụ lục
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU (TỪ NGÀY 14/6 – 17/6/2026)
(Kèm theo Thông báo số /TB-CCTS ngày /6/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	Vibrio (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus (CFU/ml)	Coliform (MPN/ 100ml)	EHP
1	Kênh 30/4	Hiệp Thành	31,0	7,5	2,0	15	135,6	0,051	1,748	0,132	0,222	144,0	0,4	7	1.000	120	2.100	Âm tính
2	Kênh Xáng	Vĩnh Trạch	31,0	7,5	4,0	9	146,5	0,016	2,582	0,169	KPH	26,7	0,4	27	80	<1	24.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cùg	Vĩnh Hậu	29,0	7,0	2,0	18	160,4	0,530	3,119	0,221	0,092	129,3	0,4	30	1.800	20	11.000	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	Vĩnh Hậu	32,0	7,0	2,0	19	169,3	0,073	1,741	0,185	0,214	57,3	0,7	40	4.300	10	750	Âm tính
5	Kênh Gò Cát	Long Điền	32,0	7,0	4,0	13	134,7	0,429	3,466	0,420	0,096	28,7	0,5	84	4.100	10	930	Âm tính
6	Kênh Hộ Phòng	Long Điền	32,0	7,0	4,0	21	108,9	0,339	0,108	0,058	0,243	32,0	0,1	41	270	<1	4.600	Âm tính
7	Kênh 9000	Hồng Dân	30,0	7,5	4,0	8	105,0	0,005	0,208	0,014	KPH	11,3	0,2	8	70	80	24.000	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	Gành Hào	32,0	7,0	2,0	24	103,0	0,199	0,085	0,072	0,195	52,7	0,1	19	2.400	20	4.600	Âm tính
9	Sông Bạc Liêu	Bạc Liêu	31,0	7,5	4,0	7	153,5	0,003	2,416	0,156	KPH	82,0	0,5	34	130	20	24.000	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	Hiệp Thành	31,0	7,0	4,0	14	145,5	0,041	2,452	0,193	0,180	29,3	0,3	28	50	50	11.000	Âm tính
11	Kênh số 3	Vĩnh Hậu	32,0	7,0	4,0	22	189,1	0,045	2,331	0,096	0,107	118,0	0,3	43	840	20	230	Âm tính
12	Kênh Mương 7	Vĩnh Hậu	29,0	7,0	2,0	22	170,3	0,011	0,587	0,184	KPH	100,7	0,4	25	2.900	30	430	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	Tân Tiến	32,0	8,0	4,0	29	134,7	0,191	0,717	0,266	0,117	45,3	0,5	45	100	60	24.000	Âm tính
14	Sông Đầm Dơi	Đầm Dơi	31,0	7,5	2,0	21	130,7	0,191	0,784	0,302	0,114	46,0	0,5	43	70	30	1.500	Âm tính
15	Sông Cái Đôi	Phú Tân	31,0	7,5	3,0	22	118,8	KPH	0,058	KPH	KPH	45,3	0,2	53	<1	<1	230	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đình	Phú Mỹ	32,0	7,0	4,0	20	130,7	0,003	0,048	0,017	KPH	64,7	0,2	41	<1	10	36	Âm tính

STT	Điểm quan trắc	Xã/ phường	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ⁻ (mg/l)	N-NO ₃ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	TP (mg/l)	Chlorophyll a (µg/l)	<i>Vibrio</i> (CFU/ml)	<i>Vibrio</i> <i>parahaemolyticus</i> (CFU/ml)	<i>Coliform</i> (MPN/ 100ml)	EHP
17	Cổng Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	Hung Mỹ	31,0	7,5	3,0	20	143,6	0,003	0,071	KPH	KPH	49,3	0,2	65	<1	30	36	Âm tính
18	Lương Thế Trân	Xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm	29,0	7,0	2,0	20	127,7	0,394	0,460	0,168	0,131	73,3	0,3	14	700	50	930	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	Cái Đôi Vàm	32,0	7,5	3,0	26	109,9	0,017	0,024	KPH	0,140	129,3	0,2	114	30	<1	36	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	Tân Ân	32,0	7,5	2,0	30	127,7	0,382	0,486	0,179	0,119	87,3	0,4	9	160	30	430	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	Phường Hòa Thành và xã Trần Phán	30,0	7,5	2,0	21	133,7	0,191	0,691	0,286	0,123	54,7	0,5	40	740	30	1.500	Âm tính
22	Sông Thị Tường	Hung Mỹ	20,0	7,5	2,0	19	146,5	0,063	0,345	0,095	0,100	42,0	0,2	49	30	30	36	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hưng	Tân Hưng	30,0	7,0	3,0	20	136,6	0,014	0,493	0,062	KPH	31,3	0,4	92	1.500	150	430	Âm tính